

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 4762 /UBND-CNN

Đồng Nai, ngày 26 tháng 4 năm 2019

V/v gửi tài liệu hướng dẫn về Chỉ số  
cấp phép xây dựng.

Kính gửi:

- Giám đốc các Sở: Xây dựng; Tài nguyên và Môi trường; Tài chính;
- Giám đốc Công an tỉnh;
- Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa.

UBND tỉnh nhận được Văn bản số 621/BXD-PC ngày 29/3/2019 của Bộ Xây dựng về việc gửi tài liệu hướng dẫn về Chỉ số cấp phép xây dựng (File điện tử kèm theo). Về việc này Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

- Giao Sở Xây dựng chủ trì triển khai đến các cơ quan chức năng, các địa phương và các đơn vị liên quan về bộ tài liệu hướng dẫn về Chỉ số Cấp phép xây dựng để biết và thực hiện.

- Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp Công an tỉnh triển khai đến các đơn vị liên quan để biết về quy chế phối hợp số 01/QCPH-BCA-BXD ngày 13/02/2018 giữa Bộ Xây dựng và Bộ Công an trong công tác quản lý đầu tư xây dựng và phòng cháy, chữa cháy đối với dự án, công trình; đồng thời nghiên cứu, xây dựng quy chế phối hợp cũng như triển khai các biện pháp rút ngắn thời gian cấp phép xây dựng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng (CNN);
- Lưu: VT, ĐT, CNN.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Văn Vĩnh**

**BỘ XÂY DỰNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **621** /BXD-PC

Hà Nội, ngày **29** tháng **3** năm **2019**

V/v gửi tài liệu hướng dẫn về  
Chỉ số cấp phép xây dựng

Kính gửi:

- Các Bộ: Tài nguyên và Môi trường,
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

UBND TỈNH ĐỒNG NAI	
Số.....	1287A
Ngày.....	05/04/19
<b>ĐẾN</b> Công an, Tài chính;	
Thị trấn, thành phố trực thuộc.....	

Thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021, Bộ Xây dựng có trách nhiệm xây dựng tài liệu hướng dẫn các Bộ, cơ quan ngang Bộ, địa phương để có cách hiểu đúng, thống nhất về Chỉ số Cấp phép xây dựng. Bộ Xây dựng đã phối hợp với Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương - Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng Tài liệu phân tích về Chỉ số Cấp phép xây dựng và một số định hướng cải thiện cho Việt Nam. Bộ Xây dựng xin gửi tài liệu hướng dẫn này tới Quý cơ quan để tham khảo.

Ngoài ra, trong thời gian qua, Bộ Xây dựng và Bộ Công an đã xây dựng Quy chế phối hợp số 01/QCPH-BCA-BXD ngày 13/02/2018 trong công tác quản lý đầu tư xây dựng và phòng cháy, chữa cháy đối với dự án, công trình; đồng thời, trên thực tế đã triển khai thực hiện song song các thủ tục trong lĩnh vực xây dựng và các thủ tục về phòng cháy, chữa cháy để giảm thời gian cấp phép xây dựng, bước đầu mang lại hiệu quả tích cực. Bộ Xây dựng xin gửi Quy chế phối hợp này để các cơ quan theo chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao tham khảo, xây dựng Quy chế phối hợp cũng như triển khai các biện pháp rút ngắn thời gian cấp phép xây dựng, các nhiệm vụ liên quan khác.

Bản điện tử của các tài liệu nêu trên được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Xây dựng.

(Chi tiết xin liên hệ đồng chí Phạm Thị Huyền, Chuyên viên Vụ Pháp chế, Bộ Xây dựng; điện thoại: Cơ quan: 024.39760271 (358), di động: 0946665998).

Trân trọng! TK

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thủ tướng CP, các Phó TTg CP (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ trưởng Phạm Hồng Hà (để b/c);
- Các đơn vị thuộc Bộ (để tham khảo và triển khai thực hiện các nhiệm vụ liên quan);
- Trung tâm thông tin (để đăng tải);
- Lưu: VT, PC.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Lê Quang Hùng**

**BỘ XÂY DỰNG**

---

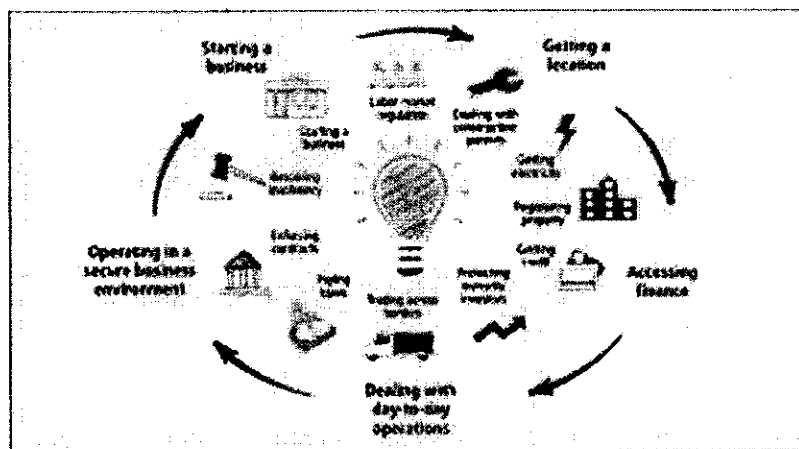
**TÀI LIỆU**

**Phân tích về chỉ số Cấp phép xây dựng  
và một số định hướng cải thiện cho Việt Nam**

*(Ban hành kèm theo Công văn số: 621/BXD-PC ngày 29/3/2019 của Bộ  
trưởng Bộ Xây dựng)*



**Hà Nội, năm 2019**



# Tài liệu phân' tích về chỉ số Cấp phép xây dựng và một số định hướng cải thiện cho Việt Nam

Tài liệu hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021

Hà Nội, năm 2019

# MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	2
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT .....	3
DANH MỤC HÌNH .....	4
DANH MỤC BẢNG .....	4
<b>CHƯƠNG I. GIỚI THIỆU VỀ XẾP HẠNG MÔI TRƯỜNG KINH DOANH (DOING BUSINESS) VÀ CHỈ SỐ CẤP PHÉP XÂY DỰNG .....</b>	<b>5</b>
1.1.1. <i>Giới thiệu chung về 10 chỉ số trong xếp hạng Doing Business .....</i>	<i>5</i>
1.1.2. <i>Phương pháp đánh giá .....</i>	<i>7</i>
1.1.3. <i>Phương pháp thu thập dữ liệu .....</i>	<i>7</i>
1.2.1. <i>Phương pháp luận .....</i>	<i>10</i>
<b>CHƯƠNG II. KẾT QUẢ CHỈ SỐ CẤP PHÉP XÂY DỰNG CỦA VIỆT NAM THEO ĐÁNH GIÁ CỦA NGÂN HÀNG THẾ GIỚI.....</b>	<b>22</b>
2.1. Về số thủ tục .....	22
2.2. Về thời gian.....	23
2.3. Về chi phí.....	24
2.4. Về kiểm soát chất lượng xây dựng .....	24
<b>CHƯƠNG III. MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG CẢI THIỆN CHỈ SỐ CẤP PHÉP XÂY DỰNG TẠI VIỆT NAM.....</b>	<b>26</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>	<b>29</b>
<b>THÔNG TIN LIÊN HỆ.....</b>	<b>29</b>

## DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

<b>Từ viết tắt</b>	<b>Từ viết đầy đủ</b>
DB	Doing Business (Môi trường kinh doanh)
DN	Doanh nghiệp
DTF	Điểm số quy đổi đo lường chỉ số môi trường kinh doanh (theo cách tính của Ngân hàng thế giới)
GPXD	Giấy phép xây dựng
MTKD	Môi trường kinh doanh
PCCC	Phòng cháy chữa cháy

## DANH MỤC HÌNH

Hình 1. Các chỉ số Môi trường kinh doanh theo Doing Business.....	5
Hình 2. Lộ trình thu thập dữ liệu của báo cáo Doing Business.....	9
Hình 3. Cách thức đo lường chỉ số Cấp phép xây dựng.....	11
Hình 4. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả của việc cấp phép xây dựng.....	15
Hình 5. Chi tiết đo lường chỉ số Cấp phép xây dựng ở Việt Nam.....	23

## DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Chỉ tiêu đo lường của các chỉ số trong báo cáo Doing Business 2019.....	6
Bảng 2: Các giả định của chỉ số cấp phép xây dựng.....	12
Bảng 3: Các yếu tố đo lường chỉ số kiểm soát chất lượng xây dựng.....	16
Bảng 4: Kết quả chỉ số Cấp phép xây dựng của Việt Nam (2018).....	22
Bảng 5: Chi tiết đo lường các bước thủ tục thực hiện Cấp phép xây dựng ở Việt Nam..	22
Bảng 6: So sánh chỉ số cấp phép xây dựng của Việt Nam và các nền kinh tế trong Đông Nam Á.....	24

# CHƯƠNG I. GIỚI THIỆU VỀ XẾP HẠNG MÔI TRƯỜNG KINH DOANH (DOING BUSINESS) VÀ CHỈ SỐ CẤP PHÉP XÂY DỰNG

## 1.1. Giới thiệu xếp hạng Môi trường kinh doanh (Doing Business)

### 1.1.1. Giới thiệu chung về 10 chỉ số trong xếp hạng Doing Business

Báo cáo mức độ thuận lợi đối với hoạt động kinh doanh (gọi tắt là Báo cáo Môi trường kinh doanh (MTKD) – Doing Business (DB)) của Ngân hàng Thế giới là Báo cáo kết quả điều tra, khảo sát về các quy định dẫn tới thúc đẩy hoặc hạn chế hoạt động kinh doanh. Đây là báo cáo thường niên, được thực hiện hàng năm kể từ năm 2003. Báo cáo đưa ra bảng xếp hạng tổng hợp về môi trường kinh doanh dựa trên bộ chỉ số đánh giá về các quy định liên quan tới hoạt động của doanh nghiệp và về bảo vệ quyền sở hữu, đặc biệt đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong nước. Để thực hiện bảng xếp hạng này, Ngân hàng thế giới tập hợp thông tin về những thay đổi trong khuôn khổ pháp lý, thủ tục hành chính và những trở ngại về kỹ thuật trong việc bắt đầu thành lập hoặc mở rộng hoạt động của một doanh nghiệp.

Mục tiêu của báo cáo nhằm cung cấp cơ sở khách quan cho việc tìm hiểu và cải thiện môi trường pháp lý và thực thi đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Các chỉ số về môi trường kinh doanh được thiết kế và xây dựng theo chu kỳ vòng đời hoạt động của doanh nghiệp, bao gồm các thủ tục từ khi thành lập đến khi thực hiện giải thể, phá sản (xem Hình 1).

Hình 1. Các chỉ số Môi trường kinh doanh theo Doing Business



Nguồn: Khái quát hoá từ cách tiếp cận của Ngân hàng thế giới.



Với mỗi chỉ số, báo cáo tập trung xem xét những quy định pháp luật liên quan thúc đẩy hay hạn chế hoạt động kinh doanh theo từng chỉ tiêu, cũng như so sánh với thực tiễn tốt nhất trong tất cả các nền kinh tế. Kết quả được quy đổi thành điểm số để làm căn cứ đánh giá mức độ thuận lợi đối với hoạt động kinh doanh doanh nghiệp; những thay đổi mà mỗi nền kinh tế đạt được qua từng năm và thứ hạng khi so sánh với các quốc gia khác.

**Bảng 1: Chỉ tiêu đo lường của các chỉ số trong báo cáo Doing Business 2019**

<b>Chỉ số</b>	<b>Chỉ tiêu đo lường</b>
Khởi sự kinh doanh	Số bước thủ tục, thời gian, chi phí và yêu cầu về vốn tối thiểu để thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn (chia theo giới tính nam/nữ của người đăng ký)
Cấp phép xây dựng	Số thủ tục, thời gian và chi phí để hoàn thành tất cả các thủ tục xin phép xây dựng nhà kho, cơ chế kiểm soát chất lượng và quy định an toàn trong quá trình xin cấp phép xây dựng
Tiếp cận điện năng	Số thủ tục, thời gian, chi phí để được kết nối vào lưới điện, và chất lượng cung ứng điện và tính minh bạch về giá điện
Đăng ký tài sản	Số thủ tục, thời gian và chi phí để chuyển nhượng tài sản, chất lượng quy định quản lý hành chính về đất đai (chia theo giới tính nam/nữ của người đăng ký)
Tiếp cận tín dụng	Quy định về giao dịch bảo đảm và hệ thống thông tin tín dụng
Bảo vệ nhà đầu tư thiểu số	Quyền của cổ đông thiểu số trong giao dịch của các bên có liên quan và trong quản trị doanh nghiệp
Nộp thuế	Các loại thuế và số lần nộp, thời gian, tổng mức thuế suất và các khoản đóng góp (BHXH) của một doanh nghiệp, và chỉ số sau nộp thuế
Giao dịch thương mại qua biên giới	Thời gian, chi phí để thực hiện thủ tục xuất nhập khẩu qua biên giới
Giải quyết tranh chấp hợp đồng	Thời gian và chi phí để giải quyết các tranh chấp thương mại, chỉ số chất lượng quy trình tư pháp (chia theo giới tính nam/nữ của người gửi đơn)
Giải quyết phá sản doanh nghiệp	Thời gian, chi phí, kết quả và tỷ lệ thu hồi của một vụ việc phá sản thương mại, chỉ số chất lượng khung khổ pháp lý về giải quyết phá sản

Quy định về thị trường lao động	Mức độ linh hoạt trong các quy định về tuyển dụng lao động, các khía cạnh của chất lượng công việc
---------------------------------	--

### ***1.1.2. Phương pháp đánh giá***

Theo phương pháp của Ngân hàng thế giới thì điểm số mức độ thuận lợi của hoạt động kinh doanh được tính qua 2 bước chính. Bước thứ nhất là tính điểm của từng chỉ số thành phần, và bước thứ hai là tính điểm trung bình của cả 10 chỉ số để tính ra điểm số cuối cùng.

Với mỗi chỉ số thành phần, báo cáo tính điểm của từng chỉ tiêu, nhân với trọng số để ra điểm của chỉ số đó. Điểm của từng chỉ tiêu được tính bằng cách lấy (thực tiễn kém nhất – kết quả thu thập được của nền kinh tế)/(thực tiễn kém nhất – thực tiễn tốt nhất). Như vậy, từ các thông tin thu thập được, các chỉ tiêu đều được quy đổi ra hệ điểm 100. Sau đó, báo cáo lấy bình quân gia quyền của các kết quả này để ra điểm của từng chỉ số thành phần. Một điểm cần chú ý ở đây là riêng chỉ số Tổng mức thuế suất có cách tính khác trong quá trình quy về thang điểm 100.

Cuối cùng, Doing Business lấy trung bình cộng của 10 chỉ số thành phần để ra điểm tổng cho mỗi nền kinh tế. Kết quả này cho biết một nền kinh tế còn cách thực tiễn tốt nhất bao xa. Mặt khác, chênh lệch điểm số giữa năm nay và năm trước cho biết nền kinh tế đã thu hẹp khoảng cách giữa thực tiễn tại nền kinh tế đó và thực tiễn tốt nhất ra sao. Dựa trên điểm tổng về mức độ thuận lợi của hoạt động kinh doanh, báo cáo Doing Business sẽ xếp hạng các nền kinh tế từ cao xuống thấp.

Như vậy, phương pháp của Doing Business để tính mỗi chỉ số khá rõ ràng, khách quan và dễ dàng áp dụng lại. Doing Business sử dụng cách tính bình quân gia quyền cho các chỉ số thành phần và xếp hạng. Doing Business sử dụng phương pháp đơn giản nhất: các chỉ số có trọng số như nhau và trong mỗi chỉ số thì trọng số đối với các chỉ tiêu cũng bằng nhau.

### ***1.1.3. Phương pháp thu thập dữ liệu***

Báo cáo Doing Business dựa trên 2 nguồn dữ liệu chính. Nguồn dữ liệu thứ nhất đến từ việc tìm hiểu các quy định pháp luật thông qua phỏng vấn chuyên gia. Hầu hết các chỉ số trong Doing Business được tính toán trên cơ sở nghiên cứu các quy định luật pháp. Khoảng 2/3 dữ liệu sử dụng trong Doing Business dựa vào việc tìm hiểu các quy định pháp luật có liên quan.

Nguồn dữ liệu thứ hai là các chỉ số thời gian-chi phí dùng đo lường hiệu quả trong việc đạt được các mục tiêu đề ra trong các quy định pháp luật. Báo cáo Doing Business yêu cầu những đối tượng được phỏng vấn vừa điền vào phiếu điều tra vừa cung cấp các tài liệu dẫn chứng về các quy định và biểu phí có liên quan.

Tùy từng chỉ số, các chỉ tiêu về chi phí và thời gian sẽ được lựa chọn tính theo văn bản quy định hay kết quả thực thi trên hoạt động thực tế. Chẳng hạn, trong các chỉ số như cấp phép xây dựng, thực thi hợp đồng và giải quyết phá sản, chỉ tiêu thời gian và một phần chỉ tiêu chi phí sẽ dựa trên thực tế thay vì các quy định nêu trong văn bản pháp quy. Bên cạnh đó, những đánh giá, nhận xét của các đối tượng trả lời về việc tuân thủ các quy định trên thực tế sẽ được dùng để đánh giá mức độ hiệu quả thực thi. Các thông tin này sau đó đều được kiểm tra tính xác thực. Các khía cạnh cụ thể trong phương pháp thu thập dữ liệu là:

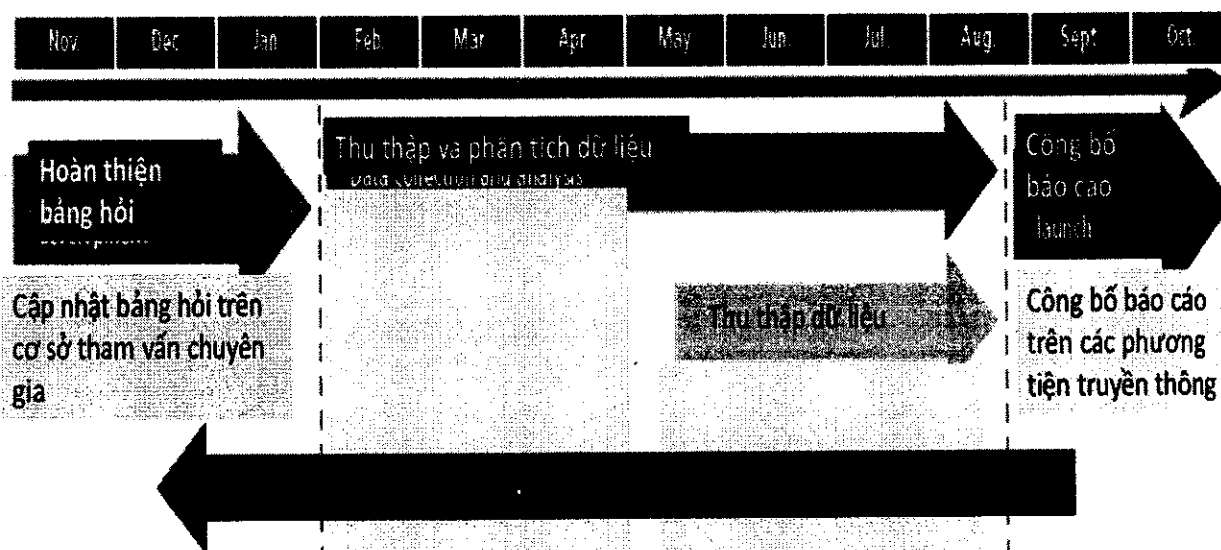
**- Nội dung dữ liệu:**

Nội dung các quy định pháp luật điều chỉnh hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và việc thực thi các quy định này trên thực tế. Các nội dung tập trung vào khu vực tư nhân chính thức và không phản ánh thực trạng khu vực phi chính thức. Ngoài ra, các quy định pháp luật mà báo cáo Doing Business sử dụng làm nghiên cứu, tính toán được liệt kê rõ trong danh mục lưu trữ, làm cơ sở cho các đối tượng quan tâm tham khảo và các bên liên quan có thể phản hồi.

**- Thời điểm thu thập dữ liệu:**

Từ tháng 2 đến tháng 8 hàng năm, gồm 2 bước: thu thập thông tin và xác thực thông tin. Trong đó, khoảng thời gian từ tháng 5 đến tháng 8 hàng năm tiến hành việc xác thực thông tin. Trước đó, từ tháng 11 năm trước đến tháng 1 năm sau, nhóm nghiên cứu của Ngân hàng Thế giới sẽ tiến hành hoàn thiện bảng hỏi.

**Hình 2. Lộ trình thu thập dữ liệu của báo cáo Doing Business**



*Nguồn: Doing Business 2019*

**- Quy trình thu thập dữ liệu:**

Bao gồm các 4 bước là (1) rà soát các quy định pháp luật liên quan tại mỗi nền kinh tế; (2) thu thập thông tin từ bảng hỏi để xem xét việc thực hiện trên thực tế (thông qua kinh nghiệm của khối tư nhân); (3) lấy thông tin từ các cơ quan chính phủ của các nền kinh tế; (4) gửi kết quả nghiên cứu ban đầu đến các chuyên gia Ngân hàng Thế giới tại khu vực/nền kinh tế đó để lấy ý kiến. Các cơ quan chính phủ và chuyên gia của Ngân hàng Thế giới có thể phản ánh đến nhóm nghiên cứu những cải cách chưa được ghi nhận trong các phản hồi.

Như vậy, báo cáo Doing Business thu thập dữ liệu theo cách tiếp cận chuẩn (standard methodological approach). Báo cáo dựa trên những phản hồi từ những người hoạt động trong lĩnh vực pháp lý hoặc các chuyên gia thường xuyên thực hiện các giao dịch có liên quan đến từng chỉ tiêu đo lường. Trước khi thu thập dữ liệu, nhóm thực hiện Doing Business của Ngân hàng Thế giới cùng với các chuyên gia tư vấn thiết kế Phiếu điều tra. Phiếu điều tra chỉ đề cập tới trường hợp doanh nghiệp đơn giản để đảm bảo khả năng có thể so sánh được giữa các nước và theo thời gian – trong đó đã nêu những giả định về hình thức pháp lý của doanh nghiệp, quy mô doanh nghiệp, địa bàn hoạt động và đặc điểm kinh doanh. Áp dụng cách tiếp cận chuẩn, Doing Business chia từng quy trình hay từng giao dịch theo nhiều bước để đảm bảo có thể ước tính tốt nhất về thời gian. Bên cạnh đó, Doing Business cũng dựa vào tham khảo ý kiến của những người làm thực tiễn hay của các chuyên gia pháp lý.

### **- Biểu mẫu khảo sát:**

Mỗi chỉ số được hỏi bằng bảng hỏi khác nhau, gửi tới từng đối tượng liên quan<sup>1</sup>. Trong bảng hỏi, đầu tiên sẽ thu thập các thông tin cơ bản về đối tượng trả lời. Tiếp đến, bảng hỏi nêu ra các giả định của chỉ số được nghiên cứu. Sau đó, bảng hỏi điều tra các cải cách mà nền kinh tế đã thực hiện trong năm vừa qua, đánh giá của đối tượng trả lời bảng hỏi về các cải cách đó. Cuối cùng, bảng hỏi đặt các câu hỏi liên quan trực tiếp đến từng chỉ tiêu đo để cập nhật những thay đổi cụ thể của dữ liệu trong năm vừa qua.

Các thông tin thu thập được sau đó được hệ thống hóa, quy đổi thành điểm số của từng chỉ số, lưu lại trên tệp cơ sở dữ liệu (file excel) để tính toán điểm số thuận lợi kinh doanh của mỗi nền kinh tế. Từ đó, trên tệp cơ sở dữ liệu cũng sẽ tính toán xếp hạng của mỗi nền kinh tế.

## **1.2. Giới thiệu chỉ số Cấp phép xây dựng trong xếp hạng Môi trường kinh doanh (Doing Business)**

Chỉ số Cấp phép xây dựng là một trong 10 chỉ số được Ngân hàng thế giới đo lường, đánh giá và xếp hạng môi trường kinh doanh của một nền kinh tế. Vì vậy, chỉ số này có ý nghĩa và tầm quan trọng, ảnh hưởng tới đánh giá của quốc tế về môi trường đầu tư, kinh doanh ở các nền kinh tế nói chung và nước ta nói riêng.

### **1.2.1. Phương pháp luận**

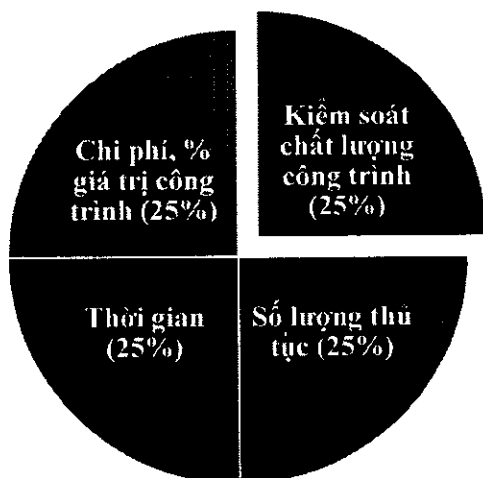
Đối với chỉ số Cấp phép xây dựng, Ngân hàng thế giới đánh giá tất cả quy trình, thời gian và chi phí của mỗi quy trình để doanh nghiệp trong ngành xây dựng có thể xây một nhà kho. Bên cạnh đó, báo cáo cũng đo lường chỉ số kiểm soát chất lượng xây dựng. Chỉ số này đánh giá chất lượng của các quy định pháp luật về xây dựng, tầm ảnh hưởng của các cơ chế kiểm soát chất lượng và an toàn, các chế độ trách nhiệm và bảo hiểm, và các yêu cầu chứng chỉ chuyên môn. Thông tin được thu thập qua bảng hỏi gửi đến các chuyên gia trong lĩnh vực cấp phép xây dựng bao gồm kiến trúc sư, kỹ sư xây dựng, luật sư xây dựng, công ty xây dựng, nhà cung cấp dịch vụ tiện ích và cán bộ cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến các quy định xây dựng, bao gồm phê duyệt, cấp phép và kiểm tra giấy phép.

Chỉ số Cấp phép xây dựng được đo lường bởi 4 chỉ tiêu thành phần, bao gồm: (i) Số thủ tục; (ii) thời gian; (iii) chi phí để hoàn thành tất cả các thủ tục

<sup>1</sup> Xem chi tiết từng bảng hỏi tại: <http://www.doingbusiness.org/en/methodology>

xin phép xây dựng nhà kho, cơ chế kiểm soát chất lượng; và (iv) quy định về đảm bảo chất lượng công trình xây dựng. Cách thức đo lường chỉ số này được thể hiện qua Hình dưới đây.

**Hình 3. Cách thức đo lường chỉ số Cấp phép xây dựng**



*Nguồn: Doing Business 2019*

Trong đó, 3 chỉ tiêu đầu tiên dùng để xem xét hiệu quả của việc cấp phép xây dựng. Chỉ tiêu cuối đánh giá chất lượng quản lý xây dựng, được đo bằng 6 chỉ tiêu thành phần. Theo cách tiếp cận chuẩn của báo cáo Doing Business, tất cả 4 chỉ tiêu đều được thu thập thông tin dựa trên những giả định.

*a. Các giả định của chỉ số Cấp phép xây dựng*

Chỉ số cấp phép xây dựng đo lường quy trình, thời gian và chi phí để thực hiện các quy trình đó. Danh mục các quy trình chính được xem xét gồm:

- Thực hiện tất cả các kế hoạch và khảo sát theo yêu cầu của kiến trúc sư và kỹ sư để bắt đầu thiết kế các kế hoạch xây dựng (ví dụ: khảo sát địa hình, bản đồ địa điểm hoặc khảo sát đất).
- Có và nộp tất cả các tài liệu cụ thể liên quan đến dự án cho các cơ quan chức năng (ví dụ, các kế hoạch xây dựng, bản đồ địa điểm và giấy chứng nhận quy hoạch đô thị).
  - Thuê bên thứ ba giám sát, tư vấn, kỹ sư hoặc thanh tra viên (nếu cần).
  - Nhận được tất cả các giấy phép và giấy chứng nhận cần thiết.
  - Gửi tất cả các thông báo bắt buộc để bắt đầu và kết thúc công việc xây dựng và cho việc thanh, kiểm tra.
  - Yêu cầu và tiếp nhận tất cả các cuộc thanh tra cần thiết (nếu chưa được thực hiện bởi bên thứ ba thuê riêng).

Ngoài ra, báo cáo cũng xem xét các quy trình để kết nối với nguồn cấp và thoát nước, quy trình để đăng ký nhà kho để làm tài sản thế chấp hoặc chuyển nhượng cho chủ thể khác. Để dữ liệu có thể so sánh được giữa các nền kinh tế, 3 nhóm giả định về công ty xây dựng, về nhà kho và về kết nối tiện tích được đặt ra.

**Bảng 2: Các giả định của chỉ số cấp phép xây dựng**

<b>Giả định</b>	<b>Nội dung</b>
Công ty xây dựng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Là công ty trách nhiệm hữu hạn (hoặc tương đương pháp lý của công ty).</li> <li>- Hoạt động trong thành phố kinh doanh lớn nhất của nền kinh tế.</li> <li>- Là công ty tư nhân, 100% vốn trong nước.</li> <li>- Có 5 chủ sở hữu, không có chủ sở hữu nào là pháp nhân hợp pháp.</li> <li>- Được cấp phép đầy đủ và được bảo hiểm để thực hiện các dự án xây dựng, chẳng hạn như xây dựng kho.</li> <li>- Có 60 công nhân xây dựng và nhân viên khác, tất cả đều là công dân của nền kinh tế và có chuyên môn kỹ thuật và kinh nghiệm chuyên môn cần thiết để có được giấy phép xây dựng và phê duyệt.</li> <li>- Có 1 kiến trúc sư được cấp phép và 1 kỹ sư được cấp phép, cả hai đều đã đăng ký với hiệp hội kiến trúc sư hoặc kỹ sư địa phương, nếu có. Không được giả định có bất kỳ nhân viên nào khác là những chuyên gia kỹ thuật hoặc được cấp phép, chẳng hạn như các chuyên gia địa chất hoặc địa hình.</li> <li>- Đã thanh toán tất cả các loại thuế và đóng tất cả các bảo hiểm cần thiết áp dụng cho hoạt động kinh doanh chung của mình (ví dụ, bảo hiểm tai nạn cho công nhân xây dựng và trách nhiệm của người thứ ba).</li> <li>- Sở hữu khu đất nơi đặt nhà kho và sẽ bán nhà kho khi hoàn thành.</li> </ul>
Nhà kho	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Được sử dụng cho các hoạt động lưu trữ chung, chẳng hạn như lưu trữ sách hoặc văn phòng phẩm; không sử dụng cho bất kỳ hàng hóa nào yêu cầu các điều kiện đặc biệt, chẳng hạn như thực phẩm, hóa chất hoặc dược phẩm.</li> <li>- Gồm 2 tầng, trên mặt đất, tổng diện tích xây dựng khoảng 1300.6 m<sup>2</sup> (14.000 ft<sup>2</sup>). Mỗi tầng cao 3 m (9 feet, 10 inch).</li> </ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có đường vào và được đặt tại khu vực ven thành phố kinh doanh lớn nhất của nền kinh tế (tức là rìa của thành phố nhưng vẫn nằm trong địa giới chính thức).</li> <li>- Không nằm trong khu kinh tế hay khu công nghiệp đặc biệt.</li> <li>- Đặt trên một lô đất khoảng 929 m<sup>2</sup> (10.000 ft<sup>2</sup>), do công ty sở hữu 100% và được đăng ký chính xác tại cơ quan địa chính và cơ quan đăng ký địa phương. Tuy nhiên, trong trường hợp đất thuộc sở hữu của chính phủ và cho công ty thuê, khi hoàn thành nhà kho, công ty sẽ đăng ký đất tại cơ quan địa chính hoặc cơ quan đăng ký đất hoặc cả hai, tùy theo điều kiện nào được áp dụng,.</li> <li>- Được định giá 50 lần thu nhập bình quân đầu người.</li> <li>- Là công trình mới (không có xây dựng trước đó trên đất), không có cây cối, nguồn nước tự nhiên, khu bảo tồn thiên nhiên, hoặc di tích lịch sử dưới bất kỳ hình thức nào.</li> <li>- Sẽ có các kế hoạch hoàn chỉnh về kiến trúc và kỹ thuật do một kiến trúc sư được cấp phép và một kỹ sư được cấp phép chuẩn bị. Nếu việc chuẩn bị các kế hoạch yêu cầu các bước như có thêm tài liệu hoặc nhận được sự chấp thuận trước từ các cơ quan bên ngoài, các bước này sẽ được tính là các thủ tục riêng biệt.</li> <li>- Bao gồm tất cả các thiết bị kỹ thuật cần thiết để hoạt động đầy đủ.</li> <li>- Mất 30 tuần để xây dựng (không bao gồm tất cả sự chậm trễ do các yêu cầu quản lý và quy định pháp luật).</li> </ul>
<p>Kết nối tiện ích</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cách nguồn nước hiện tại và vòi thoát nước 150 m (492 feet). Nếu không có cơ sở hạ tầng phân phối nước sẽ đào một lỗ khoan. Nếu không có cơ sở hạ tầng thoát nước, sẽ lắp đặt một bể tự hoại ở kích thước nhỏ nhất có sẵn.</li> <li>- Không yêu cầu nước cho mục đích phòng cháy chữa cháy; thay vào đó sử dụng một hệ thống chữa cháy khô. Nếu pháp luật yêu cầu hệ thống phòng cháy chữa cháy bằng nước thì yêu cầu đó cũng sẽ nằm trong giả định dưới đây.</li> <li>- Mức sử dụng nước trung bình là 662 lít (175 gallon) mỗi ngày và lượng nước thải trung bình là 568 lít (150 gallon) mỗi ngày. Mức sử dụng nước cao nhất là 1.325 lít (350 gallon) mỗi ngày và lượng nước thải cao nhất là 1.136 lít (300 gallon) mỗi ngày.</li> <li>- Nhu cầu nước và lưu lượng nước thải là liên tục trong suốt cả năm.</li> </ul>



- Ống nối cung cấp nước có đường kính 1 inch và để thoát nước có đường kính 4 inch.
---

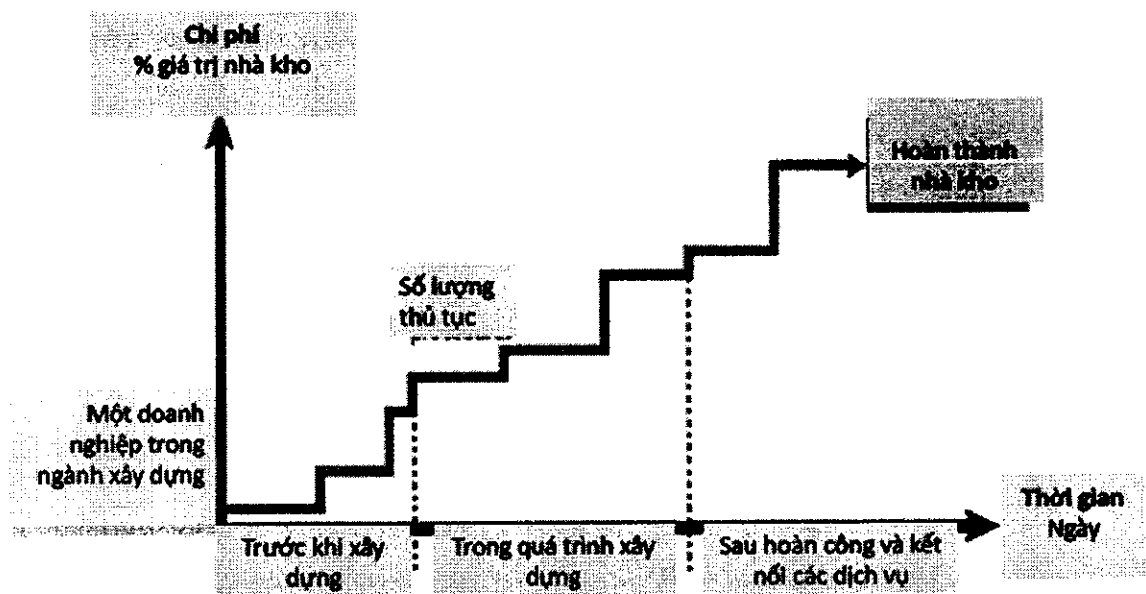
*Nguồn: Doing Business 2019*

*b Các yếu tố đo lường chỉ số Cấp phép xây dựng*

*(i) Số thủ tục*

Chỉ tiêu đo lường số lượng các thủ tục cần thiết để xây một nhà kho, bao gồm: (1) Nộp các giấy tờ liên quan và nhận các chứng chỉ, giấy phép cần thiết; (2) Nộp các thông báo được yêu cầu và nhận các cuộc thanh tra cần thiết; (3) Kết nối với đường ống cấp nước và thoát nước; (4) Đăng ký nhà kho sau khi hoàn thành (nếu được yêu cầu để dùng làm tài sản thế chấp hoặc chuyển nhượng). Bất kỳ sự tương tác nào của nhân viên, người quản lý hoặc bất kỳ bên nào đại diện cho công ty với bên ngoài, bao gồm cơ quan chính phủ, công chứng viên, cơ quan đăng ký đất đai, địa chính, công ty tiện ích, thanh tra của chính quyền và thuê thanh tra tư nhân và chuyên gia kỹ thuật bên ngoài nếu cần thiết đều được coi là một thủ tục. Tương tác giữa các nhân viên công ty, chẳng hạn như phát triển các kế hoạch kho và kiểm tra của kỹ sư nội bộ, không được tính là thủ tục. Tuy nhiên, các tương tác với các bên ngoài để kiến trúc sư chuẩn bị các kế hoạch và bản vẽ (như lấy khảo sát địa hình hoặc địa chất), hoặc để các tài liệu đó được các bên bên ngoài phê duyệt hoặc đóng dấu, cũng được tính là thủ tục. Tất cả các thủ tục pháp luật được yêu cầu và thực hiện trên thực tế bởi phần lớn các công ty để xây dựng một nhà kho được ghi lại, ngay cả khi có thể tránh được trong trường hợp đặc biệt.

Hình 4. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả của việc cấp phép xây dựng



Nguồn: Doing Business 2019

### (ii) Thời gian

Chỉ tiêu thời gian đo lường thời gian trung vị để hoàn thành một thủ tục trong thực tế. Thời gian được tính theo năm dương lịch, đo lường thời gian trung bình cần thiết để hoàn thành một thủ tục với cơ quan nhà nước. Thời gian tối thiểu cho mỗi một thủ tục là một ngày, trừ thủ tục thực hiện hoàn toàn bằng điện tử (thủ tục online được tính là  $\frac{1}{2}$  ngày). Một số thủ tục có thể thực hiện đồng thời, nhưng giả định không thực hiện trong cùng một ngày mà bắt đầu từ ngày kế tiếp.

Nếu một thủ tục có thể được tăng tốc một cách hợp pháp với chi phí bổ sung thì quy trình nhanh nhất được chọn nếu có lợi hơn cho điểm số của nền kinh tế. Ngoài ra, chỉ tiêu này cũng đặt giả thiết là doanh nghiệp không lãng phí thời gian, cam kết hoàn thành từng thủ tục còn lại mà không chậm trễ, và tuân thủ tất cả các yêu cầu xây dựng và trình tự. Thời gian mà doanh nghiệp dành để thu thập thông tin cũng không được tính đến.

### (iii) Chi phí

Chỉ tiêu chi phí tính theo tỷ lệ phần trăm (%) của giá trị nhà kho (được giả định là 50 lần thu nhập bình quân đầu người). Tất cả các khoản phí chính thức liên quan đến việc hoàn thành các thủ tục xây dựng nhà kho hợp pháp được tính, bao gồm cả các khoản phí liên quan đến việc được phê duyệt sử dụng đất và các thiết kế sơ bộ; nhận kiểm tra trước, trong và sau khi xây dựng; có được các kết

nổi tiện ích; và đăng ký kho tại cơ quan đăng ký tài sản. Các khoản thuế không cần thiết để hoàn thành dự án kho cũng được ghi lại. Thuế bán hàng (chẳng hạn như thuế giá trị gia tăng) hoặc thuế lợi tức không được ghi nhận. Tương tự, các khoản đặt cọc trả trước và được hoàn trả sau đó cũng không được tính. Chỉ tiêu chi phí lấy nguồn thông tin từ luật xây dựng, từ các chuyên gia địa phương, các quy định cụ thể và biểu phí. Nếu các đối tác địa phương cung cấp các ước tính khác nhau thì giá trị trung vị được sử dụng.

**(iv) Chỉ số kiểm soát chất lượng xây dựng**

Chỉ số kiểm soát chất lượng công trình xây dựng là tổng điểm của 6 chỉ số thành phần. Chỉ số này có mức điểm từ 0 đến 15. Cụ thể, 6 chỉ số thành phần bao gồm:

**Bảng 3: Các yếu tố đo lường chỉ số kiểm soát chất lượng xây dựng**

<b>Chỉ số chất lượng quy định xây dựng (0-2)</b>
Mức độ dễ dàng tiếp cận các quy định (0-1)
Mức độ rõ ràng về yêu cầu để có được GPXD (0-1)
<b>Chỉ số kiểm soát chất lượng trước khi xây dựng (0-1)</b>
Chuyên gia được cấp phép hoặc chuyên gia kỹ thuật phê duyệt kế hoạch (0-1)
<b>Chỉ số kiểm soát chất lượng trong quá trình xây dựng (0-3)</b>
Loại thanh tra, kiểm tra nào được áp dụng trong quá trình xây dựng (0-2)
Việc thực hiện thanh tra, kiểm tra trên thực tế (0-1)
<b>Chỉ số kiểm soát chất lượng sau khi xây dựng (0-3)</b>
Loại thanh tra, kiểm tra nào được áp dụng sau khi hoàn công (0-2)
Việc thực hiện thanh tra, kiểm tra trên thực tế (0-1)
<b>Chỉ số chế độ trách nhiệm và bảo hiểm (0-2)</b>
Các bên tham gia vào quá trình xây dựng có chịu trách nhiệm pháp lý đối với những sai sót tiềm ẩn hoặc các vấn đề một khi công trình đưa được đưa vào sử dụng(0-1)
Các bên nào tham gia vào quá trình xây dựng được pháp luật yêu cầu có chính sách bảo hiểm về trách nhiệm tiềm ẩn hoặc trách nhiệm 10 năm để trang trải các vấn đề hoặc sai sót cấu trúc có thể xảy ra sau khi công trình được đưa vào sử dụng được thực hiện như thế nào (0-1)

### **Chỉ số chứng chỉ chuyên môn (0-4)**

Yêu cầu về trình độ đối với cá nhân thực hiện phê duyệt kế hoạch (0-2)

Yêu cầu về trình độ đối với cá nhân thực hiện giám sát xây dựng (0-2)

### **Chỉ số kiểm soát chất lượng xây dựng (0-15)**

Tổng của các chỉ số: Chất lượng quy định xây dựng; kiểm soát chất lượng trước khi xây dựng; kiểm soát chất lượng trong quá trình xây dựng; kiểm soát chất lượng sau khi xây dựng; chế độ trách nhiệm và bảo hiểm; chứng chỉ chuyên môn.

*Nguồn: Doing Business 2019*

Chi tiết cách thức đánh giá chỉ số kiểm soát chất lượng xây dựng như sau:

#### **(1) Chỉ số chất lượng quy định xây dựng**

Chỉ số này đo lường 2 điểm: (1) các quy định về xây dựng có dễ dàng tiếp cận không; và (2) các yêu cầu để xin giấy phép xây dựng có được nêu rõ ràng, cụ thể không. Điểm số dao động từ 0-2, với giá trị cao hơn cho thấy các quy định về xây dựng rõ ràng và minh bạch hơn. Theo đó:

- Khả năng tiếp cận các quy định về xây dựng:

- 1 điểm: các quy định về xây dựng và liên quan đến xin giấy phép xây dựng được liệt kê trên website cập nhật;
- 0.5 điểm: các quy định về xây dựng được cung cấp miễn phí (hoặc có phí danh nghĩa) tại cơ quan cấp giấy phép có liên quan;
- 0 điểm: các quy định về xây dựng phải được mua hoặc không dễ dàng tiếp cận.

- Mức độ rõ ràng của các yêu cầu để xin cấp phép xây dựng:

- 1 điểm: các quy định về xây dựng hoặc bất kỳ trang web, tài liệu nào nêu rõ danh sách các tài liệu phải nộp, các khoản phí phải trả và tất cả tài liệu phải nộp trước khi bản vẽ được chấp thuận (ví dụ: điện, nước và thoát nước, môi trường) hoặc kế hoạch của các cơ quan liên quan;
- 0 điểm: không có nguồn nào trong số này xác định bất kỳ yêu cầu nào hoặc các nguồn này chỉ định ít hơn 3 yêu cầu nêu trên.

#### **(2) Chỉ số kiểm soát chất lượng trước khi xây dựng**

Chỉ số này đo lường một yếu tố duy nhất là luật có quy định là một kiến trúc sư được cấp phép hoặc kỹ sư được cấp phép là thành viên ủy ban hoặc nhóm đánh giá và phê duyệt đơn xin cấp phép xây dựng hay không và liệu

người đó có thẩm quyền từ chối đơn nếu kế hoạch không phù hợp với quy định hay không. Điểm dao động từ 0-1, với giá trị cao hơn hàm ý việc kiểm soát chất lượng trong xem xét các kế hoạch xây dựng là tốt hơn. Cụ thể:

- 1 điểm: hiệp hội kiến trúc sư hoặc kỹ sư quốc gia (hoặc tương đương) phải xem xét các kế hoạch xây dựng; hoặc một công ty hoặc chuyên gia độc lập là kiến trúc sư hoặc kỹ sư được cấp phép phải xem xét kế hoạch; hoặc kiến trúc sư hoặc kỹ sư chuẩn bị kế hoạch phải nộp xác nhận cho cơ quan cấp giấy phép để chứng minh kế hoạch tuân các thủ quy định về xây dựng; hoặc kiến trúc sư hoặc kỹ sư được cấp phép là thành viên của ủy ban hoặc nhóm phê duyệt kế hoạch tại cơ quan cấp giấy phép có liên quan;

- 0 điểm: không có kiến trúc sư hoặc kỹ sư được cấp phép nào tham gia vào việc đánh giá các kế hoạch để đảm bảo việc tuân thủ các quy định về xây dựng.

### **(3) Chỉ số kiểm soát chất lượng trong quá trình xây dựng**

Chỉ số này đo lường 2 điểm: (1) pháp luật có quy định bắt buộc kiểm tra trong quá trình xây dựng hay không; và (2) trên thực tế có triển khai việc kiểm tra này không. Điểm số dao động từ 0-3, với giá trị cao hơn thể hiện việc quản lý chất lượng trong quá trình xây dựng tốt hơn. Theo đó:

- Việc kiểm tra trong quá trình xây dựng:

- 2 điểm: đáp ứng cả 2 tiêu chí là (1) một cơ quan chính phủ được quy định để tiến hành kiểm tra kỹ thuật ở các giai đoạn khác nhau trong quá trình xây dựng, hoặc pháp luật yêu cầu một kỹ sư nội bộ (nhân viên của công ty xây dựng), kỹ sư giám sát bên ngoài hoặc một công ty tiến hành kiểm tra kỹ thuật ở các giai đoạn khác nhau trong quá trình xây dựng và nộp báo cáo kiểm tra chi tiết khi hoàn thành việc xây dựng; và (2) luật yêu cầu tiến hành kiểm tra dựa trên rủi ro;

- 1 điểm: một cơ quan chính phủ được quy định để tiến hành kiểm tra kỹ thuật ở các giai đoạn khác nhau trong quá trình xây dựng, hoặc pháp luật yêu cầu một kỹ sư nội bộ (nhân viên của công ty xây dựng), kỹ sư giám sát bên ngoài hoặc một công ty tiến hành kiểm tra kỹ thuật ở các giai đoạn khác nhau trong quá trình xây dựng và nộp báo cáo kiểm tra chi tiết khi hoàn thành việc xây dựng;

- 0 điểm: một cơ quan chính phủ được quy định để tiến hành kiểm tra đột xuất, hoặc luật không yêu cầu có kiểm tra kỹ thuật.

- Việc thực thi kiểm tra trên thực tế:

- 1 điểm: các kiểm tra bắt buộc trong quá trình xây dựng diễn ra trên thực tế;
- 0 điểm: việc kiểm tra bắt buộc không xảy ra trên thực tế; hoặc việc kiểm tra diễn ra nhiều nhưng không thường xuyên; hoặc việc kiểm tra không bắt buộc theo pháp luật bất kể có thường xảy ra trên thực tế hay không.

#### **(4) Chỉ số kiểm soát chất lượng sau khi xây dựng**

Chỉ số này đo lường 2 điểm: (1) pháp luật có quy định kiểm tra lần cuối để làm rõ việc xây dựng tuân thủ các quy định hiện hành và kế hoạch đã được phê duyệt hay không; và (2) trên thực tế có triển khai việc kiểm tra này không. Điểm số dao động từ 0-3, với giá trị cao hơn thể hiện việc quản lý chất lượng sau khi xây dựng tốt hơn. Theo đó:

- Việc kiểm tra cuối cùng:

- 2 điểm: pháp luật yêu cầu kỹ sư giám sát nội bộ (nghĩa là nhân viên của công ty xây dựng), kỹ sư giám sát hoặc công ty kiểm tra độc lập xác minh rằng việc xây dựng tuân thủ kế hoạch đã được phê duyệt và các quy định xây dựng hiện hành; hoặc một cơ quan chính phủ được quy định tiến hành kiểm tra cuối cùng sau khi việc xây dựng hoàn thành;

- 0 điểm: pháp luật không quy định có sự kiểm tra cuối cùng sau khi xây dựng và không yêu cầu bên thứ ba xác thực rằng việc xây dựng tuân thủ kế hoạch đã được phê duyệt và các quy định xây dựng hiện hành.

- Việc thực thi kiểm tra trên thực tế:

- 1 điểm: việc kiểm tra cuối cùng sau khi xây dựng theo quy định pháp luật luôn diễn ra trên thực tế; hoặc một kỹ sư hoặc công ty giám sát xác nhận rằng việc xây dựng tuân thủ kế hoạch đã được phê duyệt và các quy định xây dựng hiện hành;

- 0 điểm: việc kiểm tra cuối cùng sau khi xây dựng theo quy định pháp luật không diễn ra trên thực tế; hoặc việc kiểm tra cuối cùng sau khi xây dựng theo quy định pháp luật diễn ra nhiều nhưng không thường xuyên; hoặc pháp luật không bắt buộc kiểm tra cuối cùng bất kể việc kiểm tra có diễn ra trên thực tế hay không.

#### **(5) Chỉ số chế độ trách nhiệm và bảo hiểm**

Chỉ số này đo lường 2 điểm: (1) các bên tham gia vào quá trình xây dựng có chịu trách nhiệm pháp lý đối với những sai sót tiềm ẩn hoặc các vấn đề một khi công trình đưa được đưa vào sử dụng hay không; và (2) các bên nào tham

gia vào quá trình xây dựng được pháp luật yêu cầu có chính sách bảo hiểm về trách nhiệm tiềm ẩn hoặc trách nhiệm 10 năm để trang trải các vấn đề hoặc sai sót cấu trúc có thể xảy ra sau khi công trình được đưa vào sử dụng hay không. Điểm số dao động từ 0-2, với giá trị cao hơn cho biết các chế độ bảo hiểm và trách nhiệm pháp lý tiềm ẩn nghiêm ngặt hơn. Theo đó:

- Chế độ trách nhiệm:

- 1 điểm: ít nhất 2 trong số các bên sau chịu trách nhiệm pháp lý đối với các sai sót kết cấu hoặc vấn đề trong công trình sau khi được đưa vào sử dụng: kiến trúc sư hoặc kỹ sư thiết kế kế hoạch cho công trình, chuyên gia hoặc cơ quan thực hiện kiểm tra kỹ thuật, hoặc công ty xây dựng;

- 0.5 điểm: chỉ 1 trong các bên nêu trên chịu trách nhiệm pháp lý đối với các sai sót kết cấu hoặc vấn đề trong công trình sau khi được đưa vào sử dụng;

- 0 điểm: không bên nêu trên chịu trách nhiệm pháp lý đối với các sai sót kết cấu hoặc vấn đề trong công trình sau khi được đưa vào sử dụng; hoặc chủ dự án hoặc chủ đầu tư là bên duy nhất chịu trách nhiệm pháp lý; hoặc trách nhiệm được xác định tại tòa án hoặc được quy định trong hợp đồng.

- Chế độ bảo hiểm:

- 1 điểm: pháp luật yêu cầu kiến trúc sư hoặc kỹ sư thiết kế kế hoạch cho công trình, chuyên gia hoặc cơ quan thực hiện kiểm tra kỹ thuật, công ty xây dựng, chủ dự án hoặc nhà đầu tư có chính sách bảo hiểm trách nhiệm 10 năm hoặc bảo hiểm trách nhiệm lỗi tiềm ẩn để chi trả các sai sót kết cấu hoặc vấn đề có thể xảy ra sau khi công trình được đưa vào sử dụng; hoặc chính sách bảo hiểm trách nhiệm 10 năm hoặc bảo hiểm trách nhiệm lỗi tiềm ẩn thường được đa số các bên thực hiện ngay cả khi quy định pháp luật không bắt buộc.

- 0 điểm: pháp luật không bắt buộc phải có bảo hiểm trách nhiệm pháp lý 10 năm hoặc bảo hiểm trách nhiệm lỗi tiềm ẩn và bảo hiểm đó thường không được các bên thực hiện; hoặc yêu cầu có chính sách bảo hiểm được quy định trong hợp đồng; hoặc bất kỳ bên nào phải có bảo hiểm nghề nghiệp hoặc bảo hiểm rủi ro để bảo đảm an toàn cho người lao động hoặc bất kỳ lỗi nào khác trong quá trình xây dựng nhưng không phải là bảo hiểm trách nhiệm 10 năm hoặc bảo hiểm trách nhiệm lỗi tiềm ẩn để chi trả cho các sai sót sau khi công trình được đưa vào sử dụng; hoặc bất kỳ bên nào được yêu cầu thanh toán cho những thiệt hại mình gây ra mà không phải có chính sách bảo hiểm.

## **(6) Chỉ số chứng chỉ chuyên môn**

Chỉ số này đo lường 2 điểm: (1) Yêu cầu trình độ chuyên môn của chuyên gia chịu trách nhiệm xác minh các kế hoạch hoặc bản vẽ kiến trúc tuân thủ các quy định về xây dựng; và (2) Yêu cầu trình độ chuyên môn của cá nhân, tổ chức thực hiện kiểm tra kỹ thuật trong quá trình thi công. Điểm số dao động từ 0-4, với giá trị cao hơn cho biết các yêu cầu chứng nhận chuyên môn nghiêm ngặt hơn. Theo đó:

- Yêu cầu trình độ của chuyên gia xác minh bản vẽ

- 2 điểm: quốc gia hoặc tiểu bang quy định rằng chuyên gia phải có số năm kinh nghiệm thực tế tối thiểu, có bằng đại học (tối thiểu bằng cử nhân) về kiến trúc hoặc kỹ thuật, và hoặc là thành viên của hiệp hội kiến trúc sư hoặc kỹ sư quốc gia hoặc vượt qua kỳ thi nghiệp vụ.

- 1 điểm: quốc gia hoặc tiểu bang quy định rằng chuyên gia phải có bằng đại học (tối thiểu bằng cử nhân) về kiến trúc hoặc kỹ thuật, và hoặc có số năm kinh nghiệm thực tế tối thiểu hoặc là thành viên của hiệp hội kiến trúc sư hoặc kỹ sư quốc gia hoặc vượt qua kỳ thi nghiệp vụ.

- 0 điểm: quốc gia hoặc tiểu bang quy định rằng chuyên gia chỉ phải đáp ứng 1 trong các tiêu chí nêu trên; hoặc chuyên gia phải đáp ứng 2 trong số các tiêu chí nêu trên nhưng trong 2 tiêu chí đó không có quy định về việc có bằng đại học; hoặc không có quy định về điều kiện chuyên môn.

- Yêu cầu trình độ của chuyên gia kiểm tra kỹ thuật:

- 2 điểm: quốc gia hoặc tiểu bang quy định rằng chuyên gia phải có số năm kinh nghiệm thực tế tối thiểu, có bằng đại học (tối thiểu bằng cử nhân) về kỹ thuật, và hoặc là thành viên của hiệp hội kỹ sư quốc gia hoặc vượt qua kỳ thi nghiệp vụ.

- 1 điểm: quốc gia hoặc tiểu bang quy định rằng chuyên gia phải có bằng đại học (tối thiểu bằng cử nhân) về kỹ thuật, và hoặc có số năm kinh nghiệm thực tế tối thiểu hoặc là thành viên của hiệp hội kỹ sư quốc gia hoặc vượt qua kỳ thi nghiệp vụ.

- 0 điểm: quốc gia hoặc tiểu bang quy định rằng chuyên gia chỉ phải đáp ứng 1 trong các tiêu chí nêu trên; hoặc chuyên gia phải đáp ứng 2 trong số các tiêu chí nêu trên nhưng trong 2 tiêu chí đó không có quy định về việc có bằng đại học; hoặc không có quy định về điều kiện chuyên môn.



## CHƯƠNG II. KẾT QUẢ CHỈ SỐ CẤP PHÉP XÂY DỰNG CỦA VIỆT NAM THEO ĐÁNH GIÁ CỦA NGÂN HÀNG THẾ GIỚI

Chi tiết kết quả chỉ số Cấp phép xây dựng của Việt Nam (năm 2018) được thể hiện trong Bảng dưới đây. Theo đó, năm 2018, để hoàn thành thủ tục cấp phép xây dựng ở Việt Nam, doanh nghiệp trải qua 10 bước thủ tục, 166 ngày, chi phí 0,7% giá trị công trình và quy định về kiểm soát chất lượng đạt 12/15 điểm. Thứ hạng chỉ số này của Việt Nam đạt thứ 21/190 nền kinh tế. Đây là chỉ số có xếp hạng tốt nhất của nước ta, đứng trong nhóm 30 nước đứng đầu.

**Bảng 4: Kết quả chỉ số Cấp phép xây dựng của Việt Nam (2018)**

Chỉ tiêu	Kết quả	Điểm số quy đổi/100	Xếp hạng/190
Số thủ tục	10	80.00	11
Thời gian (ngày)	166	59.65	121
Chi phí (% giá trị nhà kho)	0.7	96.54	34
Chỉ số kiểm soát chất lượng xây dựng (0-15)	12.0	80.00	45

*Nguồn: Doing Business 2019*

### 2.1. Về số thủ tục

Chi tiết đánh giá các bước thủ tục và thời gian thực hiện Cấp phép xây dựng ở Việt Nam như sau:

**Bảng 5: Chi tiết đo lường các bước thủ tục thực hiện Cấp phép xây dựng ở Việt Nam**

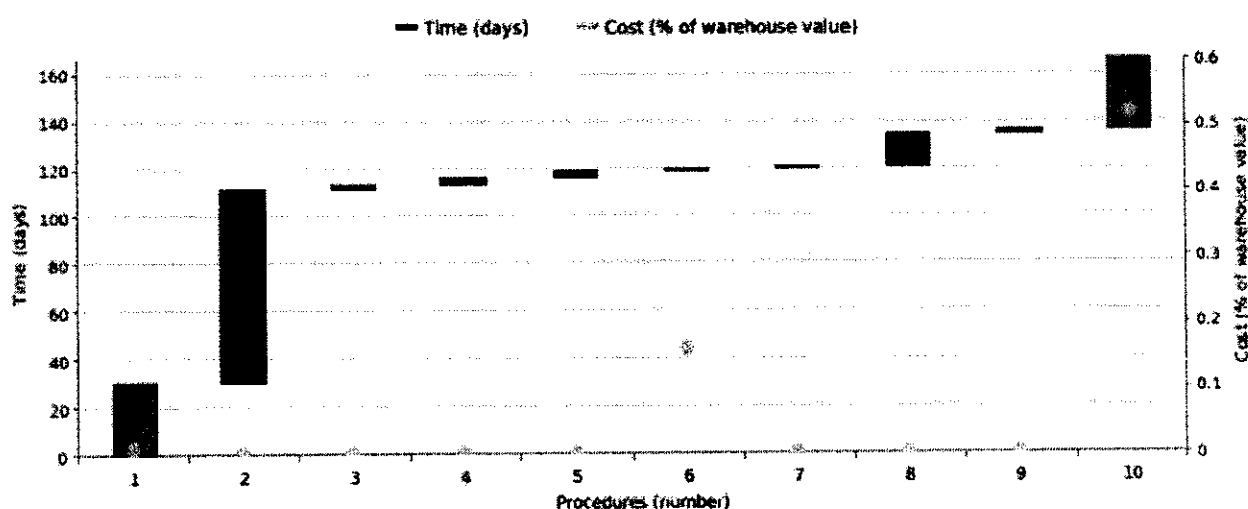
	Các bước thực hiện cấp phép xây dựng	Thời gian (ngày)	Cơ quan liên quan
1	Thẩm duyệt PCCC	30 ngày	Ngành Công an
2	Cấp GPXD trên thực tế	82 ngày	Ngành XD
3	Thông báo khởi công và thanh tra	1 ngày	Ngành XD
4	Hoàn thành móng và thanh tra	3 ngày	Ngành XD
5	Hoàn thành xây thô và thanh tra	3 ngày	Ngành XD
6	Đăng ký kết nối cấp, thoát	1 ngày	DN cấp, thoát nước

	nước		
7	Kiểm tra thực địa	1 ngày	DN cấp, thoát nước
8	Kết nối cấp, thoát nước	14 ngày	DN cấp, thoát nước
9	Thanh tra XD sau hoàn công	1 ngày	Ngành XD
10	Đăng ký sở hữu tài sản sau hoàn công	30 ngày	Ngành TNMT, Tài chính, XD

Nguồn: Doing Business 2019

Ghi chú: \* là các thủ tục thực hiện đồng thời. Cột STT là các bước thủ tục, tương ứng với thứ tự các bước thủ tục thể hiện trong Hình dưới.

Hình 5. Chi tiết đo lường chỉ số Cấp phép xây dựng ở Việt Nam



Ghi chú: Procedures (Số thủ tục); Time (Thời gian); Cost (Chi phí)

Trong số 10 bước thủ tục trên, báo cáo Doing Business 2019 ghi nhận 3 thủ tục gồm thông báo cho Sở Xây dựng về ngày bắt đầu xây dựng và nhận kiểm tra, kiểm tra sau khi hoàn thành móng công trình và kiểm tra sau khi hoàn thành ngoại cảnh công trình không được quy định cụ thể trong các văn bản pháp lý, tuy nhiên trên thực tế vẫn diễn ra nên được đưa vào đánh giá.

## 2.2. Về thời gian

Trong số 4 yếu tố cấu thành đo lường chỉ số Cấp phép xây dựng thì thời gian thực hiện thủ tục (chiếm 25% điểm số) còn dài (166 ngày) là yếu tố hạn chế của chỉ số này. Trong đó, gần một nửa thời gian (82 ngày) dùng để nộp và xin cấp giấy phép xây dựng tại phòng xây dựng của quận. Theo quy định của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014, thời gian kể từ khi cơ quan có thẩm quyền nhận đủ giấy tờ hợp lệ đến khi ra quyết định là 30 ngày làm việc,

nhưng báo cáo ghi nhận rất hiếm khi mốc thời gian này được tuân thủ trên thực tế<sup>2</sup>.

### 2.3. Về chi phí

Chỉ số này chỉ đo lường chi phí chính thức, được quy định tại các văn bản pháp lý; không bao gồm các chi phí không chính thức. Chi phí thực hiện thủ tục cấp phép xây dựng ở Việt Nam là 0,7% giá trị công trình. Trong đó, hai chi phí đáng kể nhất là đăng ký kết nối hệ thống cấp thoát nước (4 triệu đồng) và đăng ký công trình tại Sở Tài Nguyên và Môi trường (hơn 13 triệu đồng).

### 2.4. Về kiểm soát chất lượng xây dựng

Đối với chỉ số kiểm soát chất lượng xây dựng, điểm số của Việt Nam đạt 12/15 điểm. So sánh với các nền kinh tế trong khu vực Đông Nam Á, điểm số chỉ tiêu này thấp hơn của Indonesia, Malaysia, Philippines (đều được 13 điểm), ngang bằng với Brunei và Singapore (xem Bảng dưới).

**Bảng 6: So sánh chỉ số cấp phép xây dựng của Việt Nam và các nền kinh tế trong Đông Nam Á**

Nền kinh tế	Điểm số /100	Xếp hạng /190	Số thủ tục	Thời gian (ngày)	Chi phí (% giá trị nhà kho)	Chỉ số kiểm soát chất lượng xây dựng (0-15)
Brunei	73.49	55	20	83	1.9	12.0
Campuchia	44.23	179	20	652	3.3	8.0
Indonesia	66.57	112	17	200.1	4.4	13.0
Lào	67.94	99	12	92	4.9	6.5
Malaysia	86.96	3	11	54	1.4	13.0
Myanmar	70.35	81	15	95	3.7	9.0
Philippines	68.58	94	23	122	2.5	13.0
Singapore	84.73	8	10	41	3.4	12.0
Thái Lan	71.86	67	19	118	0.7	11.0
Timor-Leste	55.33	161	16	207	0.5	3.0
Việt Nam	79.05	21	10	166	0.7	12.0

*Nguồn: Doing Business 2019*

<sup>2</sup>[http://www.doingbusiness.org/en/data/exploreeconomies/vietnam#DB\\_dwcp](http://www.doingbusiness.org/en/data/exploreeconomies/vietnam#DB_dwcp)

Theo Ngân hàng thế giới, có hai yếu tố làm mất điểm đối với chỉ số kiểm soát chất lượng xây dựng của Việt Nam. Đó là:

- Việc kiểm tra trong quá trình xây dựng không được lên kế hoạch trước (mất 1 điểm);
- Chỉ số chế độ trách nhiệm và bảo hiểm không có điểm nào, tức là quy định pháp luật chưa quy định bên nào phải chịu trách nhiệm nếu có sai sót xảy ra và bên nào phải mua bảo hiểm cho những sai sót này sau khi công trình được đưa vào sử dụng (mất 2 điểm).

Báo cáo Doing Business 2019 đánh giá hiện có 3 nền kinh tế đạt tối đa về điểm số đối với chỉ số kiểm soát chất lượng xây dựng (15/15) gồm New Zealand, Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất (UAE), Luxembourg. Trong quá trình xây dựng, các nước này đều áp dụng phương thức kiểm tra theo rủi ro, ở nhiều khâu khác nhau. Với chế độ trách nhiệm và bảo hiểm, kiến trúc sư, kỹ sư, chuyên gia phụ trách giám sát, công ty xây dựng, chủ đầu tư được quy định rõ là những bên phải chịu trách nhiệm. Pháp luật của New Zealand và Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất không quy định rõ bên nào phải mua bảo hiểm nhưng hoạt động này thường xuyên diễn ra trên thực tế. Trong khi đó, Luxembourg quy định kỹ sư và kiến trúc sư có trách nhiệm này. Đây là những điểm mà Việt Nam có thể cân nhắc tiếp cận và áp dụng để cải thiện điểm số của mình.

Từ những phân tích nêu trên có thể thấy việc rút ngắn thời gian (25%) và tích hợp các bước thủ tục (25%) sẽ là giải pháp hiệu quả nâng điểm và nâng hạng chỉ số cấp phép xây dựng ở Việt Nam. Đồng thời, nghiên cứu áp dụng phương thức kiểm tra theo rủi ro; thực hiện chế độ trách nhiệm và bảo hiểm trong hoạt động kiểm soát chất lượng xây dựng cũng sẽ góp phần cải thiện hiệu quả chỉ số này.

## CHƯƠNG III. MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG CẢI THIỆN CHỈ SỐ CẤP PHÉP XÂY DỰNG TẠI VIỆT NAM

Theo kết quả đánh giá tại Chương II cho thấy:

- Các tiêu chí mà Việt Nam đạt điểm tối đa là một số tiêu chí thành phần của chỉ số kiểm soát chất lượng xây dựng: chất lượng quy định xây dựng (2/2 điểm), kiểm soát chất lượng trước khi xây dựng (1/1 điểm), kiểm soát chất lượng sau khi xây dựng (3/3 điểm), chứng chỉ chuyên môn (4/4 điểm).

- Các tiêu chí mà Việt Nam vẫn còn dư địa để cải cách bao gồm: tiêu chí về số thủ tục (xếp hạng 11/190 nền kinh tế); về chi phí thực hiện thủ tục (xếp hạng 34/190 nền kinh tế); về thời gian thực hiện thủ tục (xếp hạng 121/190 nền kinh tế); một số tiêu chí thành phần của chỉ số kiểm soát chất lượng xây dựng: kiểm soát chất lượng trong khi xây dựng (2/3 điểm), chế độ trách nhiệm và bảo hiểm (0/2 điểm).

Theo đó, trong thời gian tới, cần tiếp tục cải thiện chỉ số Cấp phép xây dựng ở các tiêu chí: thời gian thực hiện thủ tục, xây dựng kế hoạch cho việc kiểm tra trong quá trình xây dựng, chỉ tiêu về chế độ trách nhiệm và bảo hiểm sau khi công trình đưa vào sử dụng; đồng thời, tiếp tục duy trì các tiêu chí đã được đánh giá tốt, đạt điểm tối đa. Một số định hướng cải thiện chỉ số cấp phép xây dựng tại Việt Nam như sau:

3.1. Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện hệ thống pháp luật về xây dựng, phòng cháy, chữa cháy, đất đai, môi trường... theo hướng: giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính; thực hiện lồng ghép, đồng thời các thủ tục hành chính; đơn giản hóa hồ sơ, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính; tăng cường trách nhiệm của chủ đầu tư, nhà thầu, người quản lý, sử dụng đối với chất lượng công trình xây dựng sau khi công trình đưa vào sử dụng, có cơ chế bảo hiểm đối với công trình sau khi đưa vào sử dụng; quy định cụ thể trình tự, trách nhiệm thực hiện đấu nối cấp, thoát nước, chế tài trong việc đấu nối cấp, thoát nước chậm...

3.2. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông; đẩy mạnh thực hiện dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ bưu chính công ích để giảm thời gian thực hiện thủ tục cấp phép xây dựng

- Giảm thời gian thực hiện trên thực tế khoảng 30% so với thời gian quy định của pháp luật đối với các thủ tục: thẩm định thiết kế xây dựng; thẩm duyệt về phòng cháy, chữa cháy; cấp giấy phép xây dựng; kết nối cấp điện,

cấp, thoát nước; đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ bưu chính công ích, đưa vào hoạt động, triển khai hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong việc tiếp nhận, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính nhằm tiết kiệm chi phí, thời gian đi lại cho người dân, doanh nghiệp; thực hiện tích hợp bộ phận một cửa và dịch vụ công trực tuyến.

- Xây dựng Quy chế phối hợp giải quyết thủ tục theo cơ chế một cửa liên thông tại địa phương.

3.3. Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan có liên quan để thực hiện đồng thời, song song các thủ tục hành chính thông qua việc xây dựng các Quy chế phối hợp tại địa phương, thành lập các đoàn liên ngành như:

- Quy chế phối hợp thẩm duyệt về phòng cháy, chữa cháy và thẩm định thiết kế xây dựng, cấp giấy phép xây dựng; trong đó, cần quy định một số nội dung như: phối hợp trong công tác xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan đến công trình xây dựng có yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy; phối hợp trong công tác thẩm định thiết kế xây dựng, thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy; phối hợp trong công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm quy định của pháp luật trong đầu tư xây dựng và phòng cháy, chữa cháy; phối hợp trong công tác trao đổi thông tin.

- Quy chế phối hợp thẩm định dự án, thẩm định thiết kế xây dựng và thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (hoặc xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường); trong đó, cần quy định một số nội dung như: phối hợp trong công tác xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan đến công trình xây dựng có yêu cầu về đánh giá tác động môi trường; phối hợp trong công tác thẩm định dự án, thẩm định thiết kế xây dựng và thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (hoặc xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường); phối hợp trong công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm quy định của pháp luật trong đầu tư xây dựng và bảo vệ môi trường; phối hợp trong công tác trao đổi thông tin.

- Quy trình phối hợp liên ngành kiểm tra công tác nghiệm thu khi hoàn thành công trình xây dựng và kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy.

- Quy trình phối hợp liên ngành kiểm tra công tác nghiệm thu khi

hoàn thành công trình xây dựng và kiểm tra, xác nhận công trình bảo vệ môi trường.

3.4. Việc kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất của cơ quan có thẩm quyền phải có kế hoạch và thông báo trước cho chủ đầu tư để phối hợp thực hiện.

3.5. Xây dựng quy trình thực hiện giải quyết thủ tục hành chính trong nội bộ cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính; cho phép người dân, doanh nghiệp thanh toán chi phí thực hiện thủ tục hành chính không dùng tiền mặt bằng nhiều phương tiện khác nhau, bảo đảm minh bạch thông tin, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

3.6. Tiếp tục triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 13/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường thực hiện các biện pháp nhằm rút ngắn thời gian cấp giấy phép xây dựng và các thủ tục liên quan.

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

Các báo cáo Môi trường kinh doanh của Ngân hàng thế giới, sẵn có tại website <http://www.doingbusiness.org/en/doingbusiness>

## **THÔNG TIN LIÊN HỆ**

Để tìm hiểu rõ thêm các nội dung và thông tin liên quan, xin vui lòng liên hệ Vụ Pháp chế, Bộ Xây dựng với thông tin chi tiết như sau:

- Đầu mối liên hệ: Phạm Thị Huyền, Chuyên viên
- Điện thoại: 0946665998, email: [huyenbxd@gmail.com](mailto:huyenbxd@gmail.com)
- Địa chỉ: 37 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội.



Số: 01 /QCPH-BCA-BXD

Hà Nội, ngày 13 tháng 02 năm 2018

### **QUY CHẾ**

**Phối hợp giữa Bộ Công an và Bộ Xây dựng trong công tác quản lý đầu tư xây dựng và phòng cháy, chữa cháy đối với dự án, công trình**

Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 22 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy (sau đây viết gọn là Nghị định số 79/2014/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 106/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 19/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017, định hướng đến năm 2020;

Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 2266/TTg-NC ngày 11 tháng 12 năm 2015 về việc tăng cường công tác phòng cháy, chữa cháy;

Bộ Công an và Bộ Xây dựng thống nhất ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quản lý đầu tư xây dựng và phòng cháy, chữa cháy đối với dự án, công trình như sau:

## **Chương I** **QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định nguyên tắc, phương thức, nội dung phối hợp hoạt động giữa Bộ Công an và Bộ Xây dựng trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; thẩm định thiết kế xây dựng, thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy; kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng đưa vào sử dụng; thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm; trao đổi thông tin có liên quan về quản lý đầu tư xây dựng và phòng cháy, chữa cháy đối với dự án, công trình thuộc danh mục quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 79/2014/NĐ-CP.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy chế này áp dụng đối với Bộ Công an và Bộ Xây dựng, các cơ quan, tổ chức thuộc Bộ Công an và Bộ Xây dựng.

### **Điều 3. Nguyên tắc phối hợp**

1. Tuân thủ các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của hai cơ quan.
2. Chủ động, thường xuyên, kịp thời, chặt chẽ, bảo đảm yêu cầu chất lượng, tiến độ công việc; bảo đảm việc cung cấp thông tin và chế độ bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật.
3. Phát huy vai trò, trách nhiệm của các bên trong công tác phối hợp.
4. Đảm bảo quy trình phối hợp rõ ràng và thuận lợi tối đa cho nhà đầu tư trong việc thực hiện nhiệm vụ của mỗi cơ quan.

### **Điều 4. Phương thức phối hợp**

1. Cử người phối hợp trực tiếp:

Khi triển khai các hoạt động có liên quan, cơ quan chủ trì có văn bản đề nghị cử người tham gia phối hợp trực tiếp, cơ quan được đề nghị có trách nhiệm trả lời về việc cử người tham gia. Người được cử tham gia phải thực hiện theo nhiệm vụ phối hợp được phân công phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan và báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ với lãnh đạo cơ quan quản lý trực tiếp.

## 2. Tổ chức họp:

Khi có yêu cầu tổ chức cuộc họp (hội đồng khoa học, thẩm định dự án, thẩm định thiết kế, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hội đồng nghiệm thu và các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học...), các đơn vị trực thuộc hai cơ quan được giao làm đầu mối thực hiện quy chế cần trao đổi trước về nội dung cuộc họp và chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho việc tổ chức cuộc họp trước khi chính thức mời đại diện lãnh đạo hai cơ quan tham gia.

## 3. Cung cấp thông tin, tài liệu và trao đổi ý kiến:

Khi cần cung cấp thông tin, tài liệu hoặc trao đổi ý kiến phục vụ việc triển khai nhiệm vụ theo quy định thì cơ quan có nhu cầu cần có văn bản đề nghị cung cấp thông tin, tài liệu. Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản, cơ quan được đề nghị có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu cho cơ quan có nhu cầu. Trường hợp không thực hiện được thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

4. Tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm và thành lập các đoàn công tác liên ngành.

## Chương II NỘI DUNG PHỐI HỢP

**Điều 5. Phối hợp trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan đến công trình xây dựng có yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy**

1. Bộ Công an và Bộ Xây dựng chủ động rà soát văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật thuộc phạm vi, trách nhiệm quản lý để thống nhất tham mưu đề xuất với cơ quan có thẩm quyền xây dựng, sửa đổi, bổ sung theo hướng đảm bảo đồng bộ về thẩm quyền giải quyết của các cơ quan trung ương, địa phương đối với loại, cấp công trình; phối hợp rà soát xây dựng, sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan đến công trình xây dựng có yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy theo thẩm quyền.

2. Khi tham gia phối hợp xây dựng, sửa đổi văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan đến công trình xây dựng có yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy, cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp có trách nhiệm:

a) Cơ quan chủ trì có trách nhiệm gửi dự thảo bằng văn bản đề xin ý kiến của cơ quan phối hợp và nghiên cứu tiếp thu, giải trình các ý kiến tham gia;

b) Cơ quan phối hợp cử người có kiến thức chuyên môn liên quan đến lĩnh vực cần xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tham gia Ban soạn thảo, Tổ biên tập;

c) Cơ quan phối hợp tham gia ý kiến vào dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

3. Trong quá trình thực hiện phối hợp, hai cơ quan chủ động trao đổi thông tin, đảm bảo tiến độ và kịp thời cung cấp hồ sơ, tài liệu có liên quan.

### **Điều 6. Phối hợp trong công tác thẩm định dự án thiết kế xây dựng, thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy**

1. Khi tổ chức thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy đối với dự án, công trình, trường hợp cần thiết, Bộ Công an hoặc cơ quan chức năng thuộc Bộ Công an có văn bản đề nghị Bộ Xây dựng hoặc cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng tham gia phối hợp và ngược lại. Cơ quan được đề nghị có trách nhiệm cử người có chuyên môn, nghiệp vụ tham gia.

2. Trong quá trình thực hiện công tác thẩm định dự án, thiết kế xây dựng, cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng có trách nhiệm kiểm tra sự phù hợp theo văn bản góp ý hoặc giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy đối với dự án, công trình thuộc đối tượng phải thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy.

3. Trong quá trình thực hiện công tác thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy, cơ quan chức năng của Bộ Công an có trách nhiệm kiểm tra sự phù hợp theo các văn bản chấp thuận quy hoạch tổng mặt bằng và bố trí công năng của các dự án, công trình.

4. Cho ý kiến về giải pháp phòng cháy và chữa cháy thực hiện đồng thời với thẩm định dự án hoặc thiết kế cơ sở; thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy thực hiện đồng thời với thủ tục thẩm định thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công.

Thực hiện đồng thời là việc chủ đầu tư có văn bản đề nghị cơ quan chuyên môn về xây dựng và cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy cùng một thời điểm và 02 cơ quan thực hiện độc lập việc thẩm định, thẩm duyệt theo quy định. Trường hợp chủ đầu tư nộp hồ sơ đề nghị tới cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy thì cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy hướng dẫn chủ đầu tư nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị đến cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng để tiến hành việc thẩm định và ngược lại.

5. Các dự án, công trình thực hiện đồng thời các thủ tục thẩm định về xây dựng và thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy là các dự án, công trình thuộc thẩm quyền thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng và thuộc thẩm quyền thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy của Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ theo quy định.

Cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy khi ra văn bản góp ý đối với hồ sơ thiết kế cơ sở hoặc giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy cho chủ đầu tư thì đồng thời gửi 01 bản cho cơ quan chuyên môn về xây dựng để tổng hợp ra văn bản thẩm định.

6. Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng và cơ quan thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy chủ động cắt giảm từ 20% đến 30% thời gian so với quy định của pháp luật hiện hành trong việc thực hiện các thủ tục về thẩm định dự án, thiết kế xây dựng, thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy nhằm rút ngắn thời gian cấp giấy phép xây dựng.

**Điều 7. Phối hợp kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng và kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy**

Khi kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng đưa vào khai thác, sử dụng đối với các công trình xây dựng thuộc thẩm quyền quản lý thì cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp cơ quan chuyên môn trực thuộc Bộ Công an tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng và phòng cháy, chữa cháy. Nội dung phối hợp kiểm tra thực hiện theo Phụ lục kèm theo Quy chế này.

**Điều 8. Phối hợp trong công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong đầu tư xây dựng, phòng cháy, chữa cháy**

1. Khi xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra, cơ quan chức năng thuộc Bộ Công an có thể đề nghị cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng phối hợp và ngược lại.

2. Khi phối hợp kiểm tra liên ngành về công tác đầu tư xây dựng và phòng cháy, chữa cháy, hai cơ quan thực hiện công tác kiểm tra, xử lý vi phạm theo chức năng, nhiệm vụ. Trường hợp khi kiểm tra có những sai phạm liên quan đến lĩnh vực của Bộ chủ quản thì cần có văn bản gửi cơ quan chức năng thuộc Bộ chủ quản biết và xử lý vi phạm.

**Điều 9. Phối hợp trong công tác trao đổi thông tin**

1. Định kỳ 06 tháng và 01 năm, 02 Bộ có trách nhiệm trao đổi, cung cấp thông tin về kết quả thực hiện quản lý trong đầu tư xây dựng, phòng cháy, chữa

cháy đối với dự án, công trình theo các nội dung phối hợp từ Điều 5 đến Điều 8 Quy chế này; thống nhất quản lý, bảo mật dữ liệu thông tin theo quy định.

2. Hai cơ quan cử cán bộ tham gia dự sơ kết, tổng kết những nội dung liên quan đến phạm vi phối hợp giữa hai bên; phối hợp tổ chức khảo sát, nắm tình hình; tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm về lĩnh vực đầu tư xây dựng, phòng cháy, chữa cháy để thực hiện nhiệm vụ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của mỗi cơ quan.

### **Chương III**

#### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **Điều 10. Trách nhiệm thi hành**

1. Bộ Công an và Bộ Xây dựng trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này. Ngoài các nội dung phối hợp nêu tại Chương II Quy chế này thì các cơ quan chuyên môn thuộc 02 Bộ có thể trao đổi, thống nhất để phối hợp giải quyết các vấn đề phát sinh trong công tác quản lý đầu tư xây dựng, phòng cháy, chữa cháy đối với dự án, công trình.

2. Cơ quan chuyên môn thực hiện công tác quản lý đầu tư xây dựng, phòng cháy, chữa cháy tại địa phương căn cứ Quy chế này để xây dựng quy chế phối hợp tổ chức thực hiện phù hợp với đặc điểm và điều kiện thực tiễn của địa phương.

3. Bộ Công an giao Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Bộ Xây dựng giao Cục Quản lý hoạt động xây dựng làm đầu mối giúp lãnh đạo 02 Bộ theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Quy chế này.

4. Kinh phí bảo đảm cho công tác phối hợp thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành. Việc lập dự toán kinh phí bảo đảm cho công tác phối hợp thực hiện trên nguyên tắc cơ quan nào chủ trì xử lý vụ, việc thì cơ quan đó bảo đảm kinh phí phục vụ công tác phối hợp.

##### **Điều 11. Hiệu lực thi hành**

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký và được công bố công khai trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Công an, Bộ Xây dựng, các Sở Xây dựng, Công an, Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

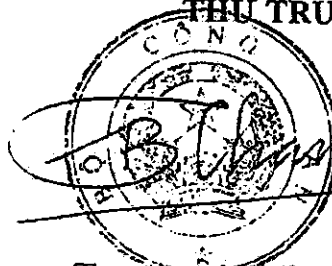
2. Trong quá trình thực hiện quy chế này nếu phát sinh vướng mắc, các đơn vị, địa phương phản ánh kịp thời về Bộ Công an (qua Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ), Bộ Xây dựng (qua Cục Quản lý hoạt động xây dựng) để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung.

**KT. BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG**  
**THỦ TRƯỞNG**



Lê Quang Hùng

**KT. BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN**  
**THỦ TRƯỞNG**



Trung tướng Bùi Văn Thành

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ Xây dựng;
- Các Thủ trưởng Bộ Công an;
- Các Thủ trưởng Bộ Xây dựng;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công an, Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch kiến trúc các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Công an và Bộ Xây dựng;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Công an và Bộ Xây dựng;
- Lưu: VT, V11, C66 (Bộ Công an); VT, HĐXD (Bộ Xây dựng).

## PHỤ LỤC

Nội dung phối hợp kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng, kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy

(Kèm theo Quy chế phối hợp số: 01/QCPH-BCA-BXD ngày 13/02/2018

giữa Bộ Công an và Bộ Xây dựng trong công tác quản lý đầu tư xây dựng và phòng cháy, chữa cháy đối với dự án, công trình)

### 1. Phạm vi áp dụng

Việc phối hợp kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng, kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy được áp dụng đối với các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu của cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Xây dựng và thẩm quyền kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan cảnh sát phòng cháy và chữa cháy trực thuộc Bộ Công an (Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ).

### 2. Giải thích từ ngữ

a) Cơ quan chuyên môn là các cơ quan có thẩm quyền thực hiện công tác kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng, kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy;

b) Cơ quan chủ trì là cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Xây dựng, có trách nhiệm chủ trì thành lập đoàn kiểm tra, tổ chức kiểm tra;

c) Cơ quan phối hợp là cơ quan cảnh sát phòng cháy và chữa cháy trực thuộc Bộ Công an;

d) Đoàn kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng, kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy là cán bộ thuộc cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Xây dựng, cán bộ thuộc cơ quan cảnh sát phòng cháy và chữa cháy trực thuộc Bộ Công an; đại diện Sở Xây dựng, cơ quan cảnh sát phòng cháy và chữa cháy tại địa phương (nếu cần thiết) và các chuyên gia. Đoàn kiểm tra gồm trưởng đoàn và các thành viên trong đoàn kiểm tra. Các thành viên trong đoàn kiểm tra được chia làm các tổ chuyên môn theo các lĩnh vực;

đ) Tổ chuyên môn là tập hợp các thành viên trong đoàn kiểm tra thuộc cùng một lĩnh vực chuyên môn (xây dựng, phòng cháy và chữa cháy), thực hiện kiểm tra về lĩnh vực chuyên môn do mình phụ trách. đứng đầu tổ chuyên môn là Đại diện tổ chuyên môn, chịu trách nhiệm về kết quả làm việc của tổ chuyên môn do mình phụ trách.



### 3. Nội dung phối hợp kiểm tra

a) Kiểm tra công tác nghiệm thu khi hoàn thành thi công xây dựng đưa công trình vào sử dụng của cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Xây dựng;

b) Kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan cảnh sát phòng cháy và chữa cháy trực thuộc Bộ Công an.

### 4. Cơ chế phối hợp kiểm tra

a) Cơ quan chủ trì thành lập đoàn kiểm tra và tổ chức kiểm tra;

b) Cơ quan phối hợp cử cán bộ phối hợp tham gia đoàn kiểm tra;

c) Đoàn kiểm tra hoạt động độc lập theo các tổ chuyên môn tại hiện trường, các tổ chuyên môn tiến hành kiểm tra, có ý kiến nhận xét, báo cáo trưởng đoàn kiểm tra, lãnh đạo đơn vị trực tiếp quản lý và chịu trách nhiệm đối với kết quả kiểm tra về lĩnh vực chuyên môn do mình thực hiện;

d) Trong một số trường hợp theo yêu cầu của Chủ đầu tư, việc kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy và kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành đưa công trình vào sử dụng có thể thực hiện độc lập. Sau khi kết thúc đợt kiểm tra, cơ quan phối hợp có trách nhiệm gửi thông báo kết quả kiểm tra bằng văn bản đến cơ quan chủ trì mà không cần tham gia đoàn phối hợp;

đ) Cơ quan chủ trì tổng hợp kết quả kiểm tra và thông báo kết quả nghiệm thu theo các quy định hiện hành.

### 5. Trách nhiệm của các thành viên đoàn kiểm tra

a) Trách nhiệm chung của các thành viên đoàn kiểm tra

- Nghiên cứu hồ sơ liên quan đến lĩnh vực chuyên môn do mình phụ trách;

- Tham gia cuộc họp kết luận của đoàn kiểm tra và các hoạt động kiểm tra hiện trường. Trường hợp không tham gia cuộc họp kết luận của đoàn kiểm tra, thành viên đoàn kiểm tra phải gửi lại ý kiến nhận xét;

- Cho ý kiến nhận xét, đánh giá về nội dung kiểm tra (thuộc lĩnh vực do mình phụ trách) theo phân công và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, khách quan đối với những nhận xét, đánh giá của mình.

b) Trách nhiệm của đại diện tổ chuyên môn

Ngoài trách nhiệm quy định tại Điểm a Khoản này, đại diện tổ chuyên môn còn có trách nhiệm sau:

- Chịu trách nhiệm về hoạt động của tổ chuyên môn do mình phụ trách;

- Phân công nhiệm vụ cho các thành viên thuộc tổ chuyên môn;

- Tổng hợp kết quả kiểm tra về lĩnh vực do mình phụ trách;

- Báo cáo trưởng đoàn kiểm tra và lãnh đạo đơn vị trực tiếp quản lý về kết quả thực hiện kiểm tra của tổ chuyên môn.

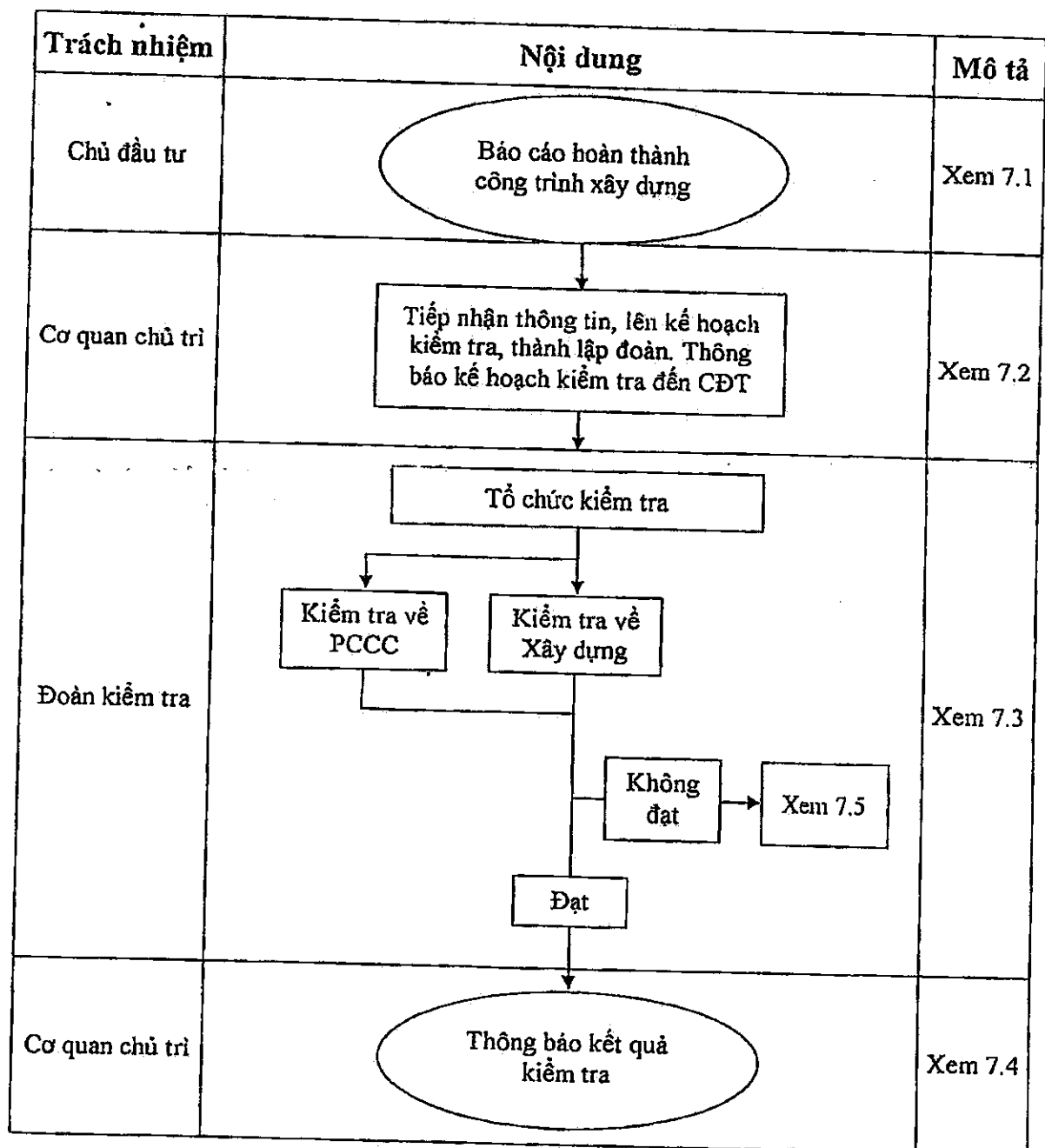
c) Trách nhiệm của Trường đoàn kiểm tra:

Ngoài trách nhiệm quy định tại Điểm a Khoản này, Trường đoàn kiểm tra còn có trách nhiệm sau:

- Chịu trách nhiệm chung về hoạt động của đoàn kiểm tra;
- Phân công nhiệm vụ cho các tổ chuyên môn;
- Chủ trì, điều hành các cuộc họp và chủ trì xử lý các kiến nghị của các thành viên đoàn kiểm tra và các cơ quan liên quan trong quá trình kiểm tra.

6. Trình tự thực hiện kiểm tra

Công tác phối hợp kiểm tra được thực hiện theo lưu đồ sau:



## 7. Diễn giải lưu đồ trình tự thực hiện kiểm tra

### 7.1. Báo cáo hoàn thành công trình xây dựng

Tối thiểu trước 15 ngày dự kiến tổ chức nghiệm thu đưa công trình xây dựng vào sử dụng đối với công trình xây dựng cấp I, cấp đặc biệt, chủ đầu tư gửi báo cáo hoàn thành thi công xây dựng công trình xây dựng, trong đó nêu rõ các nội dung liên quan đến phòng cháy và chữa cháy về cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp để thực hiện việc kiểm tra.

### 7.2. Tiếp nhận thông tin, lên kế hoạch kiểm tra, thành lập đoàn

a) Sau khi nhận được báo cáo hoàn thành công trình của chủ đầu tư, trên cơ sở quy mô, tính chất, đặc điểm công trình, cơ quan chủ trì dự kiến kế hoạch kiểm tra, thành lập đoàn kiểm tra, xác định và liên hệ với cơ quan phối hợp đề nghị cử người tham gia thành lập đoàn kiểm tra;

b) Cơ quan phối hợp có trách nhiệm cử cán bộ tham gia đoàn kiểm tra, chủ động liên lạc với các cơ quan chuyên môn tại địa phương thuộc lĩnh vực do mình phụ trách (nếu cần thiết), xác định số lượng cán bộ tham gia đoàn kiểm tra, thông báo đến cơ quan chủ trì bằng văn bản trong thời gian không quá 07 ngày làm việc;

c) Cơ quan chủ trì có trách nhiệm tổng hợp, phát hành văn bản thông báo kế hoạch, thành phần đoàn, nội dung kiểm tra gửi chủ đầu tư;

d) Nội dung kiểm tra đối với từng lĩnh vực chuyên môn được các cơ quan chuyên môn chuẩn bị và gửi cho cơ quan chủ trì để tổng hợp, hướng dẫn chủ đầu tư trước đợt kiểm tra.

### 7.3. Tổ chức kiểm tra

a) Đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra tại hiện trường công trình và hồ sơ nghiệm thu công trình của chủ đầu tư theo kế hoạch, nội dung trong thông báo. Thời gian thực hiện công tác kiểm tra không quá 03 ngày làm việc tùy thuộc vào quy mô, tính chất, đặc điểm công trình. Công tác kiểm tra được thực hiện theo các tổ chuyên môn. Kết quả công tác kiểm tra được các tổ chuyên môn tổng hợp thành các ý kiến nhận xét;

b) Trưởng đoàn kiểm tra chủ trì họp, trao đổi với các bên có liên quan, ý kiến nhận xét của các tổ chuyên môn, kết luận sơ bộ của từng tổ chuyên môn về lĩnh vực chuyên môn do mình phụ trách;

c) Trường hợp các tổ chuyên môn tổ chức kiểm tra và hoàn thành khối lượng công việc trong các thời gian khác nhau hoặc tổ chức kiểm tra độc lập theo yêu cầu của chủ đầu tư, các tổ chuyên môn có thể tổ chức họp độc lập với chủ đầu tư và gửi ý kiến nhận xét bằng văn bản tới trưởng đoàn kiểm tra mà không cần tham dự buổi họp kết luận chung.

#### 7.4. Thông báo kết quả kiểm tra

a) Căn cứ vào kết quả làm việc của đợt kiểm tra, các tổ chuyên môn có trách nhiệm tổng hợp các ý kiến nhận xét về lĩnh vực do mình phụ trách, báo cáo trưởng đoàn kiểm tra và lãnh đạo đơn vị trực tiếp quản lý để ra văn bản thông báo kết luận đợt kiểm tra;

b) Căn cứ vào văn bản thông báo kết luận đợt kiểm tra của Cơ quan phối hợp (văn bản nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy) và kết quả làm việc đợt kiểm tra, cơ quan chủ trì ra văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu của chủ đầu tư trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc đợt kiểm tra;

c) Cơ quan phối hợp có trách nhiệm gửi thông báo kết quả kiểm tra bằng văn bản đến cơ quan chủ trì để tổng hợp trong khoảng thời gian nêu trên (kể cả trong trường hợp các cơ quan phối hợp tổ chức kiểm tra độc lập theo nhu cầu của chủ đầu tư);

d) Trường hợp chủ đầu tư phải thực hiện các quy định tại Khoản 7.5 Quy trình này thì thời hạn phát hành văn bản thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư được tính từ khi chủ đầu tư hoàn thành các yêu cầu này.

#### 7.5. Yêu cầu khắc phục các tồn tại

Trong trường hợp phát hiện công trình còn các tồn tại, khiếm khuyết chưa thể chấp thuận nghiệm thu, các cơ quan chuyên môn ra văn bản thông báo kết quả đợt kiểm tra, đề nghị chủ đầu tư khắc phục và báo cáo kết quả thực hiện về các cơ quan chuyên môn để xem xét, quyết định. Trường hợp cần thiết, các cơ quan chuyên môn tổ chức kiểm tra độc lập việc khắc phục các tồn tại của Chủ đầu tư đối với chuyên môn do mình phụ trách. Việc thông báo thời gian, kế hoạch kiểm tra, thông báo kết quả kiểm tra được thực hiện bằng văn bản.

---